

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/DS-ST
Ngày: 01-11-2021
Về việc: “Đòi tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tĩnh.

Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Chăm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 và ngày 01 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 291/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020 về “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Võ Quốc K**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: B Huỳnh Ngọc M, Ấp B, xã Hướng Thọ P, thành phố T, tỉnh Long An

- Bị đơn: Ông **Lê Long H**.

Địa chỉ: K Phạm Văn C, Phường S, thành phố T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Bích L.

Địa chỉ: M Ấp Bình C, xã Bình T, huyện T, tỉnh Long An.

(Ông K, ông H có mặt, bà L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2020 và các lời trình bày của Nguyên đơn là ông Võ Quốc K có nội dung:

Ngày 18/9/2013, ông có cho bà Lê Thị Bích L vay số tiền là 20.000.000đ, đến ngày 14/10/2013 ông lại cho bà L vay thêm 10.000.000đ, tổng cộng là 30.000.000đ. Khi ông cho bà L vay tiền thì có ông Lê Long H làm chứng, có lập giấy vay và ông có nhận giữ của bà L

một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2018, bà L đã trả cho ông được 20.000.000đ, còn 10.000.000đ thì bà L cho rằng bà đã đưa cho ông H và có nhờ ông H đưa lại cho ông nhưng đến nay ông vẫn chưa nhận được số tiền này. Ông cũng đã trả lại cho bà L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông H trả lại cho ông số tiền 10.000.000đ do bà L đưa và 3.000.000đ tiền lãi phát sinh trên số tiền này.

Bị đơn, ông Lê Long H trình bày:

Năm 2013, ông xác định có làm chứng cho bà Lê Thị Bích L vay ông K hai lần với số tiền là 30.000.000đ. Trong quá trình vay, bà L có nhờ ông trả tiền cho ông H như thế nào thì ông không nhớ. Nay ông K khởi kiện yêu cầu ông trả cho ông K số tiền 10.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 3.000.000đ thì ông đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị Bích L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bà Lê Thị Bích L đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bà L không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; phiên hòa giải do Tòa án tổ chức; không có văn bản thể hiện ý kiến của bà L đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Quốc K. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bà L cũng vắng mặt dù đã được triệu tập họp lệ theo quy định của pháp luật.

Dại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Võ Quốc K được ông Lê Long H thống nhất và đồng ý nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: ông Võ Quốc K khởi kiện tranh chấp đòi tài sản với ông Lê Long H có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào **Khoản 3 Điều 26**; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập bà L đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng bà L không chấp hành. Hội đồng xét xử xét thấy phiên tòa hôm nay dù vắng mặt đương sự nêu trên nhưng Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng nên việc xét xử vắng mặt đương sự này là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về tranh chấp đòi tài sản: theo lời trình bày của ông Võ Quốc K là vào ngày 18/9/2013, ông K có cho bà Lê Thị Bích L vay số tiền là 20.000.000đ, đến ngày 14/10/2013 ông lại cho bà L vay thêm 10.000.000đ, tổng cộng là 30.000.000đ. Bà L đã trả trực tiếp cho

ông K 20.000.000đ, còn 10.000.000đ thì bà L đưa ông H nhờ ông H trả cho ông K. Ông H xác định là không nhớ rõ việc giao nhận tiền giữa ông H và bà L. Tuy nhiên, ông H vẫn đồng ý trả số tiền 10.000.000đ cho ông K. Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý chí của các đương sự nên ghi nhận.

[4] Về phương thức thanh toán: Ông Võ Quốc K yêu cầu ông Lê Long H có nghĩa vụ trả tiền, ông H đồng ý nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông H trả cho ông K số tiền trên sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về lãi suất phát sinh: Ông K yêu cầu ông H trả cho ông 3.000.000đ tiền lãi phát sinh trên số tiền 10.000.000đ. Ông H cũng đồng ý trả cho ông K số tiền 3.000.000đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: ông Lê Long H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 650.000đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Ông Võ Quốc K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 325.000đ do yêu cầu khởi kiện của ông được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 217, Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 166; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Quốc K về việc yêu cầu ông Lê Long H trả cho ông số tiền 10.000.000đ và 3.000.000đ tiền lãi phát sinh, tổng cộng là 13.000.000đ.

Buộc ông Lê Long H trả cho ông Võ Quốc K số tiền 13.000.000đ.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi thực hiện nghĩa vụ do chậm trả tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Long H phải chịu 650.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Quốc K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Võ Quốc K được nhận lại số tiền 325.000đ theo biên lai thu số 0005079 ngày 30/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh